

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn, cơ thể phát triển hài hòa cân đối. - Giảm trẻ suy dinh dưỡng: 90% trẻ tăng cân qua các kỳ cân; Giảm trẻ dư cân béo phì: 10% đứng cân và sụt cân.	- Trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn, cơ thể phát triển hài hòa cân đối - Giảm trẻ suy dinh dưỡng: 98% trẻ tăng cân qua các kỳ cân; Giảm trẻ dư cân béo phì: 10% đứng cân và sụt cân.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành chương trình GDMN	- Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành chương trình GDMN
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Trẻ phát triển toàn diện - Phát triển cân đối về thể lực - Thông minh ham hiểu biết - Lễ phép yêu thương bạn - Mạnh dạn hồn nhiên - 90-100% đạt theo yêu cầu độ tuổi	- Trẻ có thể lực tốt - Độc lập, sáng tạo và có khả năng tự phục vụ bản thân. - Yêu thích cái đẹp - Giàu lòng thương người, mạnh dạn hồn nhiên - Tuân thủ chăm sóc giáo dục trẻ theo chương trình chăm sóc giáo dục mầm non mới - 97-100% đạt theo yêu cầu độ tuổi
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm	- Phòng ốc sạch đẹp - Sân chơi thoáng mát - Nhà vệ sinh phù hợp với	- Phòng ốc sạch đẹp - Sân chơi thoáng mát - Nhà vệ sinh phù hợp với

	non	lứa tuổi - Sử dụng bếp một chiều.	lứa tuổi - Sử dụng bếp một chiều.
--	-----	--------------------------------------	--------------------------------------

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thanh Xuân

Số ~~86~~ TB-MNCT

Bình Tân, ngày 11 tháng 11 năm 2021

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2021 - 2022

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ		Mẫu giáo		
			13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	360	12	40	75	109	124
1	Số trẻ em nhóm ghép						
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày						
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	360	12	40	75	109	124
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập		00	00	00	00	00
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú.	360	12	40	75	109	124
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	360	12	40	75	109	124
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	360	12	40	75	109	124
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em						
1	Số trẻ cân nặng bình thường						
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân						
3	Số trẻ có chiều cao bình thường						
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi						
5	Số trẻ thừa cân béo phì						
6	Số trẻ em suy dinh dưỡng						
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	360	12	40	75	109	124
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	52					
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	308					

Bình Tân, ngày 11 tháng 11 năm 2021

Hiệu trưởng

Lê Thị Thanh Xuân

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	15	1.5 m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	14	67 m ² /phòng
1	Phòng học kiên cố	15	1.5 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	1	3580 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1	1994 m ²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	14	703 m ² /phòng
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	14	703 m ² /phòng
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	14	13 m ² /phòng
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	14	423 m ² /phòng
5	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	1	150 m ²
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	15	15 bộ/lớp
VIII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	14	14/14 nhóm lớp nhóm, lớp 1 máy chụp hình 1 máy chiếu 1 máy quay phim
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	14	14/14 nhóm lớp
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	14	14/14 nhóm lớp 3 phòng âm nhạc
3	Máy photo	1 (thuê ngoài)	
5	Bảng tương tác	2	2/2 tại Phòng học thông minh
6	Ti vi đa năng	3	2 phòng hội trường 1 phòng truyền thống
7	Đồ chơi ngoài trời	>15	
8	Bàn ghế đúng quy cách	402	14/14 nhóm lớp
9	Tủ hồ sơ	14	14/14 nhóm lớp
10	Tủ kệ ly nhôm	14	14/14 nhóm lớp

11	Hệ thống âm thanh	2	1 phòng hội trường 1 phòng truyền thống
12	Máy chụp hình, quay phim	1	Phòng văn thư
13	Laptop	5	Văn phòng

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	20 (trong đó có 15 NVS trong lớp)		15/15	0.35 m ² /trẻ	0.35 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0			

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	

Bình Tân, ngày 11 tháng 11 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thanh Xuân

Số ~~86~~ /TB-MNCT

Bình Tân, ngày 11 tháng 11 năm 2021

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	48	35 biên chế; 13 HĐN		2		20	12	3	11	
I	Giáo viên	30	30 biên chế				18	11	1		
II	Cán bộ quản lý	3									
1	Hiệu trưởng	1	1 biên chế		1						
2	Phó hiệu trưởng	2	2 biên chế		1	1	1				
III	Nhân viên	15									
1	Nhân viên kế toán	1	1 biên chế					1			
2	Nhân viên văn thư	1	1 biên chế				1				Kiểm nhiệm thủ quỹ
3	Nhân viên y tế	1	1 HĐN						1		

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng						Trình độ đào tạo	Dưới TCCN	Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	DH	CD	TCCN		
4	Nhân viên khác	12	12 HDN							12	

Quận Bình Tân, ngày 11 tháng 11 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

 Lê Thị Thanh Xuân